TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ X** **TỈNH HÀ G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2021
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ X, TỈNH HÀ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn
2. Bà Hứa Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lăng Đức Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X:*** Bà Võ Thu Hằng, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cấn Văn H, sinh năm 1975. Số Chứng minh nhân dân: 073066466; Cấp ngày 03/10/2014, Nơi cấp: Công an tỉnh Hà G. Có mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1975. Số Chứng minh nhân dân: 073882975; Cấp ngày 27/02/2009, Nơi cấp: Công an tỉnh Hà G. Có mặt;

Các đương sự cùng có nơi ĐKHKTT tại: Tổ 8, thị trấn Vị X, huyện Vị X, tỉnh Hà G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa Nguyên đơn anh Cấn Văn H trình bày: Anh Hvà chị Kh trước khi về chung sống có được tìm hiểu yêu thương nhau không bị ép buộc, năm 1994 được hai bên gia đình đồng ý cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và đã có 02 con chung, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vì lý do vợ chồng có rất nhiều bất đồng về quan điểm làm cho cuộc sống gia đình phải chịu nhiều áp lực không thể gánh chịu được nên anh H, chị Khđã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng đã nhiều lần gặp gỡ để cải thiện tình cảm, đồng thời cũng được gia đình hai bên nội ngoại góp ý để anh H, chị Khhàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện tại Anh Hthấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên

đã chủ động làm đơn xin ly hôn với chị Kh.

- Về con chung: Anh H, chị Kh có 02 con chung tên là Cấn Tuấn A, sinh ngày 20/11/1994; Cấn Xuân V, sinh ngày 05/5/2012; hiện nay Cấn Tuấn A đã trưởng thành và lập gia đình riêng còn Cấn Xuân V đang chung sống cùng với anh H. Sau ly hôn Anh H có nguyện vọng được trực tiếp, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị Kh phải có trách nhiệm trợ cấp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kh trình bày: Chị Khvà Anh Htrước khi về chung sống có được tìm hiểu yêu thương nhau không bị ép buộc, năm 1994 được hai bên gia đình đồng ý cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng đã có 02 con chung, gia đình hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vì lý do vợ chồng có rất nhiều bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ cuối năm 2017 trong thời gian sống ly thân chị Khđã nhiều lần trao đổi để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng Anh Hkhông nghe và coi thường cuộc sống vợ chồng. Chị Khthấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh Hđã chủ động làm đơn xin ly hôn chị Khnhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị Khđược ly hôn với anh H.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị Khnhất trí giao cho Anh Htrực tiếp, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Cấn Xuân V cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Khkhông phải cấp dưỡng tiền nuôi con, vì hiện tại Anh Hđã tự ý tách con không cho chung sống với chị Khtừ tháng 8 (âm lịch) năm 2020 đến nay, quá trình Anh Htrực tiếp nuôi con chị Khyêu cầu Tòa án buộc Anh Hphải tạo điều kiện để chị Khđược đi lại chăm sóc quan tâm đến con trong cuộc sống.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Sau ly hôn chị Khvà Anh Hsẽ tự thỏa thuận, nếu không tự thỏa thuận được chị Khsẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hoà giải:

- Anh Cấn Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Kh nhất trí với toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 232, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cấn Văn H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Do anh Cấn Văn H và chị Nguyễn Thị Kh về chung sống với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đề nghị Hội đồng xét xử, không công nhận quan hệ hôn nhân của anh Cấn Văn H và chị Nguyễn Thị Kh là vợ chồng.

- Về con chung: Sau ly hôn anh H, chị Kh nhất trí giao con Cấn Xuân V cho Anh Htrực tiếp, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị Khphải có trách nhiệm trợ cấp nuôi con chung. Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

- Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Anh H, chị KhKhông yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không có ý kiến.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Cấn Văn H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự: Anh Cấn Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vị X giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Kh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị X theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hvà Chị Khtrước khi về chung sống có được tìm hiểu yêu thương nhau không bị ép buộc, năm 1994 được hai bên gia đình đồng ý cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống anh H, chị Khhòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài và đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Hchủ động làm đơn xin ly hôn với chị Kh, trong phiên họp hòa giải anh H, chị Khcùng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh Hđược ly hôn với chị Kh, đơn xin ly hôn của Anh Hcó xác nhận của UBND thị trấn Vị X về tình trạng hôn nhân của chị Khvà Anh Hlà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của anh H, chị Khđã vi phạm khoản 1 Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử không công nhận quan hệ hôn nhân của anh Cấn Văn H và chị Nguyễn Thị Kh là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh H, chị Khcó 02 con chung tên là Cấn Tuấn A, sinh ngày 20/11/1994; Cấn Xuân V, sinh ngày 05/5/2012; hiện nay Cấn Tuấn A đã trưởng thành và lập gia đình riêng còn Cấn Xuân V đang chung sống cùng với anh

H. Sau ly hôn anh H, chị Kh nhất trí giao Cấn Xuân V cho Anh Htrực tiếp, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi; chị Khkhông phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời nguyện vọng của cháu Vũ cũng mong muốn được ở cùng với bố. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H, chị Khkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án.

[5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cấn Văn H là Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6].Về quyền kháng cáo Anh H, chị Khđược quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 232, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ hôn nhân của anh Cấn Văn H và chị Nguyễn Thị Kh là vợ chồng.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của anh Cấn Văn H và chị Nguyễn Thị Kh, sau khi ly hôn giao cho anh Cấn Văn H trực tiếp, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Cấn Xuân V, sinh ngày 05/5/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Khkhông phải cấp dưỡng tiền nuôi con, đồng thời chị Khcó quyền thăm con

theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Cấn Văn H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Anh Hđã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002101 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị X, tỉnh Hà G

- Về quyền kháng cáo: Anh Cấn Văn H, chị Nguyễn Thị Kh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà G;
- VKSND tỉnh Hà G;
- VKSND huyện Vị X;
- THADS huyện Vị X;
- UBNDTT Vị X, huyện Vị X,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thu Hiền